

Số: 328 /QĐ-QLCL

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v Mở rộng phạm vi chỉ định đối với Phòng kiểm nghiệm chất lượng nông lâm thủy sản thuộc Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng 1

CỤC TRƯỞNG

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 29/2008/QĐ-BNN ngày 28/1/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về đánh giá, chỉ định phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định 115/2008/QĐ-BNN ngày 3/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định tạm thời về các yêu cầu đối với phòng kiểm nghiệm chất lượng nông lâm thủy sản.

Theo công văn số 3443/BNN- KHCN ngày 05/7/2011 của Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường hướng dẫn một số nội dung trong thông tư số 16/2011/TT/BNNPTNT và công văn số 1371/QLKN-KN ngày 4/8/2011 của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản về hướng dẫn thực hiện yêu cầu về thử nghiệm liên phòng;

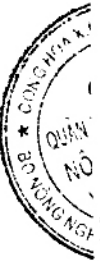
Xét Biên bản đánh giá mở rộng ngày 13/5/2011 của phòng kiểm nghiệm và báo cáo khắc phục ngày 8/6/2011 của Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Quản lý Kiểm nghiệm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở rộng phạm vi chỉ định nêu tại phụ lục đối với Phòng kiểm nghiệm chất lượng nông lâm thủy sản thuộc Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng 1, địa chỉ: 51 Lê Lai, Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng.

Điều 2. Phòng kiểm nghiệm nêu tại Điều 1 được tham gia phân tích các chỉ tiêu chất lượng nông lâm thủy sản trong phạm vi đã được chỉ định mở rộng theo yêu cầu của các tổ chức chứng nhận chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản; các cơ quan quản



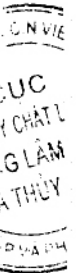
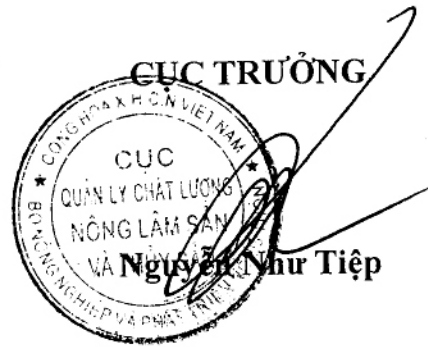
lý nhà nước về chất lượng nông lâm thủy sản và của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Quản lý Kiểm nghiệm, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các PCT (để biết);
- Lưu VT, KN.



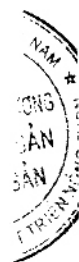
Phụ lục: Danh mục các chỉ tiêu chỉ định mở rộng của Phòng kiểm nghiệm thuộc Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng I
(ban hành kèm theo Quyết định số 328/QĐ-QLCL ngày 26/9/2011 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản Thủy sản)

A. Các chỉ tiêu mở rộng phương pháp, giới hạn định lượng

TT	Chỉ tiêu phân tích	Tên mẫu, sản phẩm phân tích	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện (nếu có)	Số thứ tự chỉ tiêu tại Quyết định 1636/QĐ-BNN-QLCL ngày 18/6/2010
I. Chỉ tiêu mở rộng giới hạn định lượng					
1	Định lượng <i>E.coli</i> dương tính với β -glucuronidase	Thực phẩm	ISO 16649-3:2005	hoặc 2 MPN/g	17
2	Định lượng <i>coagulase-positive staphylococci</i>		ISO 6888-2:2003	hoặc 10 CFU/g	05
II. Chỉ tiêu mở rộng phương pháp phân tích					
3	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp.	Thực phẩm	ISO 6579:2002		06
4	Phát hiện <i>Vibrio parahaemolyticus</i>		ISO 21872-1:2007		10
5	Phát hiện <i>Vibrio cholerae</i>		ISO 21872-1:2007		09

B. Các chỉ tiêu chỉ định mở rộng

TT	Chỉ tiêu phân tích	Tên mẫu, sản phẩm phân tích	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện (nếu có)
I. Các chỉ tiêu hóa học				
1	Xác định hàm lượng Fluoroquinolone: Oxolinic, Flumequine, Ciprofloxacin, Enprofloxacin, Sarafloxacin, Danofloxacin, Difloxacin	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	05.2/CL1/ST 3.50 (HPLC/FLD)	3 μ g/kg 3 μ g/kg 3 μ g/kg 3 μ g/kg 3 μ g/kg 3 μ g/kg 3 μ g/kg



TT	Chỉ tiêu phân tích	Tên mẫu, sản phẩm phân tích	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện (nếu có)
2	Xác định hàm lượng Tetrodotxin	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	NAF041/10	5 µg/kg
II	Các chỉ tiêu sinh học			
3	Định lượng <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	Thực phẩm	NMKL No. 156, 1999	10 CFU/g
4	Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí trong mẫu nước		ISO 6222:1999	1 CFU/ml
5	Định tính và định lượng tảo độc		Tài liệu IOC và các hướng dẫn nội bộ	
6	Định lượng nấm men, mốc		ISO 21527-1,2: 2008	10CFU/g
7	Định tính <i>Campylobacter. spp</i>		ISO 10272-1: 2006	Phát hiện hoặc không phát hiện trên 25g
8	Định lượng <i>Campylobacter. spp</i>		ISO 10272-2: 2006	10CFU/g